

Bản án số: 01/2025/HS-ST

Ngày: 10-01-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HỒNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tựu.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Văn Sinh;

Bà Bùi Nguyễn Tuyết Minh.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phan Thị Hồng Yến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Tùng – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 62/2024/TLST-HS ngày 18 tháng 12 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2024/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 12 năm 2024 đối với các bị cáo:

1/ **Phan Thiện Ngọc L**, sinh ngày 23-3-2006 tại tỉnh Đồng Tháp; Nơi cư trú: Ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa (học vấn): 5/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phan Thiện T, sinh năm 1980 (sống) và bà Sơn Thị H, sinh năm 1981 (chết); Anh chị em ruột: 04 người, bị cáo là con thứ tư trong gia đình; tiền án: Chưa có; tiền sự: Chưa có; tạm giữ: Không; Bắt tạm giam: Ngày 26-11-2024. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện T. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2/ **Nguyễn Văn T1**, sinh ngày 01-01-1985 tại tỉnh Đồng Tháp; Nơi cư trú: Khóm A, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa (học vấn): Không biết chữ; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn L1, sinh năm 1959 (sống) và bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1963 (sống); Anh chị em ruột: 07 người, bị cáo là con thứ tư trong gia đình; Có vợ: Bùi Thị O, sinh năm 1990; Có 04 người con, lớn nhất sinh năm 2007 và nhỏ nhất sinh năm 2011; tiền án: Chưa có; tiền sự: Chưa có.

Nhân thân:

Ngày 30-3-2012 bị Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp xử phạt 01 năm tù, về tội “Chống người thi hành công vụ” chấp hành xong ngày 12-01-2013, đã xóa án tích.

Ngày 12-7-2013 bị Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp xử phạt 02 năm 06 tháng tù, về tội “Chống người thi hành công vụ” chấp hành xong ngày 09-9-2015, đã xóa án tích.

Tạm giữ: Không; Tạm giam: Không. Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú và tạm hoãn xuất cảnh. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:*

1/ Nguyễn Văn T3, sinh năm 1986 (có đơn xin vắng mặt).

Cư trú: Ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

2/ Nguyễn Thị T4, sinh năm 1953 (có đơn xin vắng mặt).

Cư trú: Khóm D, Phường A, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Nguyễn Văn Nu N, sinh ngày 28-12-2009 (có đơn xin vắng mặt).

Cư trú: Ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn Nu N: Phạm Thị Y, sinh năm 1958 (có đơn xin vắng mặt).

Cư trú: Ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

2/ Nguyễn Hoàng M, sinh năm 1953 (có đơn xin vắng mặt).

Cư trú: Ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

3/ Huỳnh Thị T5, sinh năm 1979 (có đơn xin vắng mặt).

Cư trú: Khóm A, thị trấn S, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

4/ Lê Hữu T6, sinh năm 1976 (có đơn xin vắng mặt).

Cư trú: Ấp C, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người làm chứng:*

1/ Nguyễn Văn G, sinh năm 1952 (có đơn xin vắng mặt).

Cư trú: Ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

2/ Võ Thị T7, sinh năm 1969 (có đơn xin vắng mặt).

Cư trú: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Phan Thiện Ngọc L biết gia đình anh Nguyễn Văn T3 đi làm thuê ở xa, nhà không ai trong coi nên nảy sinh ý định đột nhập vào nhà lấy trộm tài sản. Trong thời gian từ ngày 05-6-2024 đến 20-6-2024 bị cáo L ba lần đột nhập vào nhà anh T3 trộm cắp tài sản, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Vào khoảng 11 giờ ngày 05-6-2024, bị cáo L đi bộ đến nhà anh T3, trèo qua cửa sổ đột nhập vào lấy trộm 01 máy quạt điện nhãn hiệu Senko đem bán cho ông Nguyễn Hoàng M được số tiền 100.000 đồng, bị cáo L tiêu xài cá nhân hết.

Lần thứ hai: Vào khoảng 12 giờ ngày 10-6-2024, bị cáo L đột nhập vào nhà anh T3 như lần thứ nhất lấy trộm 01 nồi cơm điện nhãn hiệu Kim Cương; dung tích 1,8 lít rồi đem đến chợ T9 bán cho chị T8 nhưng không rõ họ và địa chỉ cụ thể được số tiền 150.000 đồng, bị cáo L tiêu xài cá nhân hết.

Lần thứ ba: Vào khoảng 12 giờ 30 phút ngày 20-6-2024, bị cáo L rủ Nguyễn Văn N1 Nhì đi trộm tài sản thì N đồng ý. Khi đến nhà anh T3, N đứng bên ngoài canh giới, còn bị cáo L trèo qua cửa sổ vào lấy trộm 01 máy giặt nhãn hiệu Sanyo; loại 7kg, bị cáo L lộc vác trên vai cùng N đi bộ về nhà bị cáo L đi được khoảng 200m thì nghe có tiếng truy hô ăn trộm nên bị cáo L bỏ lại máy giặt cả hai chạy về nhà. Sau khi nhận được nguồn tin, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T mời bị cáo L về làm việc, tại Công an bị cáo L thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T khởi tố vụ án, khởi tố bị can và Viện kiểm sát ra cáo trạng truy tố và áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đối với Phan Thiện Ngọc L. Quá trình tại ngoại, bị cáo L tiếp tục cùng với bị cáo Nguyễn Văn T1 trộm cắp tài sản của bị hại Nguyễn Thị T4, cụ thể: Vào khoảng 21 giờ ngày 27-9-2024, bị cáo L từ nhà tại ấp B, xã T, huyện T đến nhà mẹ vợ của bị cáo T1 nhập. Sau đó, bị cáo L nảy sinh ý định tìm tài sản lấy trộm nên rủ bị cáo T1 đến nhà bà Nguyễn Thị T4 tại ấp T, xã T tìm tài sản trộm thì bị cáo T1 đồng ý. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày các bị cáo L, T1 đi bộ đến nhà bà T4 thấy nhà khoá cửa rào bằng lưới B40 không ai trông coi, cặp bên cửa rào có một lỗ thủng lớn nên cả hai chui qua rồi vào bên trong nhà, lúc này khoảng 23 giờ 30 phút cùng ngày. Khi vào nhà, cả hai phát hiện có 01 xe mô tô; biển kiểm soát 66F2-9254; nhãn hiệu Honda; màu sơn: Đỏ; loại xe DH88 xe đã qua sử dụng và không có bánh trước, đậu bên hong phòng ở nên cả hai khiêng xe đem về cất giấu trong chuồng heo nhà mẹ vợ bị cáo T1. Sau đó, cả hai dùng cây chìa khoá số 17 và 01 cây búa bằng sắt tháo (mở) tất cả phụ tùng xe ra, rồi về nhà ngủ. Đến khoảng 09 giờ, ngày 28-9-2024, bị cáo T1 điều khiển xe mô tô; loại Wave; màu sơn: Đ chờ bị cáo L ngồi sau ôm cục máy đến vừa phế liệu tên Đ1 tại Khóm A, thị trấn S, huyện T bán được 180.000 đồng, cả hai lấy tiền mua đồ nhập hết. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, bị cáo T1 gom các phụ tùng xe cùng với 01 cây chìa khoá số 17 và 01 cái búa bằng sắt bán cho một người đàn ông không rõ họ tên và địa chỉ cụ thể mua phế liệu với số tiền 50.000 đồng. Đến khoảng 17 giờ ngày 29-9-2024, bị cáo T1 điều khiển xe chờ bị cáo L ngồi sau ôm 01 khung sườn xe mô tô, màu đỏ đến tiệm phế liệu chị Đ1 bán được 180.000

đồng, bị cáo T1 chia bị cáo L 80.000 đồng, còn bị cáo T1 lấy 100.000 đồng, sau đó cả hai về nhà. Sau khi mất xe mô tô bà Nguyễn Thị T4 đến Công an xã T trình báo sự việc.

* Vật chứng của vụ án thu giữ:

- 01 máy giặt; nhãn hiệu Sanyo; loại 07kg; cửa đứng và 01 quạt điện; nhãn hiệu Senko; model B1616 đã qua sử dụng. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã trả lại cho bị hại Nguyễn Văn T3.

- 01 khung sườn xe mô tô, màu: đỏ; số khung: DH88XF147406 đã qua sử dụng. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã trả lại cho bị hại Nguyễn Thị T4.

* Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 17/KL-HĐĐG, ngày 28 tháng 6 năm 2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T kết luận:

- 01 quạt máy; nhãn hiệu Senko sản xuất năm 2009 mua năm 2024 giá 200.000 đồng, giá trị còn lại 90%, giá trị định giá là 180.000 đồng.

- 01 nồi cơm điện; nhãn hiệu Kim C; dung tích 1,8 lít sản xuất năm 2023 mua năm 2024 giá 250.000 đồng, giá trị còn lại 90%, giá trị định giá là 220.000 đồng.

- 01 máy giặt; nhãn hiệu Sanyo; loại 7kg; cửa đứng sản xuất năm 2014, mua năm 2022 giá 7.000.000 đồng, giá trị còn lại 60%, giá trị định giá là 4.200.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản là 4.600.000 đồng.

* Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 32/KL-HĐĐG, ngày 08 tháng 10 năm 2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T kết luận: 01 xe mô tô biển kiểm soát 66F2-9254; nhãn hiệu: DH88; màu sơn: Đỏ; số máy 1147341; số khung: 147406; dung tích xi lanh 85cm³ xe đã qua sử dụng, giá trị định giá là 3.000.000 đồng.

Tại Cáo trạng số: 01/CT-VKSTH ngày 17-12-2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp đã truy tố các bị cáo Phan Thiện Ngọc L; Nguyễn Văn T1 về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm các bị cáo Phan Thiện Ngọc L2; Nguyễn Văn T1 thừa nhận toàn bộ hành vi của các bị cáo như nội dung cáo trạng truy tố, các bị cáo thừa nhận hành vi của các bị cáo là có lỗi và vi phạm pháp luật.

Các bị hại và các người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình điều tra, truy tố không ai yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự.

Tại phần luận tội, Kiểm sát viên đề nghị truy tố các bị cáo Phan Thiện Ngọc L; Nguyễn Văn T1 phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo Phan Thiện Ngọc L phạm tội lần này thuộc trường hợp phạm tội 02 lần trở lên, đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Nguyễn Văn T1 không có tình tình tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Phan Thiện Ngọc L; Nguyễn Văn T1 đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Từ đó, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; khoản 1 Điều 17; Điều 38; Điều 58; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phan Thiện Ngọc L mức án tù 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; khoản 1 Điều 17; Điều 38; Điều 58; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T1 mức án tù 09 đến 12 tháng tù.

Đối với 01 máy giặt; 01 quạt điện và 01 khung sườn xe mô tô. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T trả lại cho bị hại Nguyễn Văn T3 và bị hại Nguyễn Thị T4 quản lý, sử dụng.

Đối với Nguyễn Văn Nu N, sinh ngày 28-12-2009 khi thực hiện hành vi trộm cắp máy giặt nhãn hiệu Sanyo cùng với bị cáo L. Thời điểm thực hiện hành vi phạm tội thì N chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, nên không xem xét xử lý vai trò đồng phạm cùng với bị cáo L.

Đối với người phụ nữ tên T8 không rõ họ và địa chỉ cụ thể, là người mua nồi cơm điện nhãn hiệu Kim Cương do bị cáo L đem bán, không thu hồi được. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T chưa làm việc được, khi nào làm việc được sẽ xem xét xử lý sau.

Đối với anh Nguyễn Hoàng M là người mua quạt điện nhãn hiệu Senko do bị cáo L đem bán, anh M không biết tài sản trên từ việc phạm tội mà có nên không xem xét xử lý. Riêng số tiền 100.000 đồng mua quạt điện, anh M không yêu cầu bị cáo L bồi thường, nên không xem xét giải quyết.

Đối với chị Huỳnh Thị T5 là người mua 01 cục máy xe mô tô và 01 khung sườn xe mô tô do các bị cáo T1; L đem bán, chị T5 không biết tài sản trên từ việc phạm tội mà có. Sau khi mua tài sản chị T5 đã giao nộp khung sườn xe mô tô lại cho Công an nên không xem xét xử lý. Riêng cục máy xe mô tô thì chị T5 đã bán lại cho người lạ không biết tên và địa chỉ cụ thể, không thu hồi được. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T chưa làm việc được, khi nào làm việc được sẽ xem xét xử lý sau. Riêng số tiền 380.000 đồng chị T5 không yêu cầu các bị cáo L; T1 bồi thường, nên không xem xét giải quyết.

Đối với các phụ tùng xe mô tô; 01 cây chìa khoá số 17 và 01 cái búa bằng sắt, sau khi tháo các phụ tùng xe mô tô xong, bị cáo T1 đã bán tất cả cho người lạ không rõ họ tên và địa chỉ cụ thể, không thu hồi được. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T chưa làm việc được, khi nào làm việc được sẽ xem xét xử lý sau.

Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại đã nhận lại tài sản xong và các người có quyền lợi nghĩa vụ, liên quan không ai yêu cầu bồi thường gì, nên không xem xét giải quyết.

Về xử lý vật chứng: Trong quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã xử lý xong, nên không xem xét xử lý.

Đối với số tiền mà các bị cáo có được từ việc phạm tội, nên buộc bị cáo Phan Thiện Ngọc L giao nộp lại số tiền 420.000 đồng và bị cáo Nguyễn Văn T1 Tâm giao nộp số tiền 240.000 đồng để tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

Tại phần tranh luận các bị cáo Phan Thiện Ngọc L, Nguyễn Văn T1 không có ý kiến tranh luận.

Tại lời nói sau cùng, các bị cáo Phan Thiện Ngọc L, Nguyễn Văn T1 xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng trong vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hồng, Kiểm sát viên trong quá trình tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm, khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự. Từ khi khởi tố vụ án cho đến tại phiên tòa sơ thẩm những người tham gia tố tụng không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Xét thấy các hành vi, quyết định tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa lời khai nhận tội của các bị cáo Phan Thiện Ngọc L; Nguyễn Văn T1 phù hợp với nội dung Cáo trạng truy tố, phù hợp với lời khai của các bị hại; các người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; các người làm chứng; kết luận định giá tài sản, vật chứng thu giữ được và những tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, qua tranh tụng đã đủ cơ sở kết luận các bị cáo Phan Thiện Ngọc L; Nguyễn Văn T1 có hành vi lén lút lấy trộm tài sản của các bị hại với lỗi cố ý trực tiếp. Ngày 05-6-2024 bị cáo L trộm cắp 01 máy quạt điện nhãn hiệu Senko; model B1616; ngày 10-6-2024 trộm 01 nồi cơm điện nhãn hiệu Kim Cương và ngày 20-6-2024 bị cáo L tiếp tục cùng Nguyễn Văn N1 Nhì trộm 01 máy giặt nhãn hiệu Sanyo; loại 07kg của bị hại Nguyễn Văn T3, có tổng giá trị là 4.600.000 đồng, sau đó bị cáo L bị khởi tố; bị truy tố và bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, đến ngày 27-9-2024 bị cáo L tiếp tục cùng với bị cáo T1 thực hiện hành vi trộm cắp 01 xe mô tô màu đỏ; số khung: DH88XF147406 của bị hại Nguyễn Thị T4, có giá trị là 3.000.000 đồng. Tổng tài sản bị cáo L trộm cắp có giá trị là 7.600.000 đồng, còn tài sản do bị cáo T1 cùng bị cáo L trộm cắp có giá trị là 3.000.000 đồng. Do đó, hành vi của các bị cáo Phan Thiện Ngọc L, Nguyễn Văn T1 đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm

cấp tài sản” có đồng phạm nhưng thuộc loại giản đơn, cùng thực hiện một tội phạm theo quy định tại khoản 1 Điều 173 và khoản 1 Điều 17 Bộ luật Hình sự.

Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

Khoản 1 Điều 17 Bộ luật Hình sự quy định:

“ 1. Đồng phạm là trường hợp có hai người trở lên cố ý cùng thực hiện một tội phạm”.

Các bị cáo là người trên 18 tuổi đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự và có đầy đủ năng lực hành vi chịu trách nhiệm hình sự, nhưng vì lười lao động, muốn có tiền tiêu xài nên mà các bị cáo trộm cắp tài sản của các bị hại. Vì vậy, cần phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để có đủ điều kiện giáo dục, cải tạo các bị cáo trở thành công dân tốt. Có như thế mới thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật, đồng thời cũng nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, khi lượng hình Hội đồng xét xử cũng cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo.

[3] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Về nhân thân: Bị cáo L có nhân thân tốt, còn bị cáo T1 có nhân thân không tốt: Ngày 30-3-2012 bị cáo T1 bị Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp xử phạt 01 năm tù, về tội “Chống người thi hành công vụ” chấp hành xong ngày 12-01-2013, đã xóa án tích và ngày 12-7-2013 bị cáo T1 bị Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp xử phạt 02 năm 06 tháng tù, về tội “Chống người thi hành công vụ” chấp hành xong ngày 09-9-2015, đã xóa án tích.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Phan Thiện Ngọc L phạm tội lần này thuộc trường hợp phạm tội 02 lần trở lên. Đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Nguyễn Văn T1 không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Phan Thiện Ngọc L; Nguyễn Văn T1 đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự, các bị cáo còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên

tòa cho thấy các bị cáo không có việc làm ổn định, không có tài sản. Vì vậy, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Không ai yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[6] Về xử lý vật chứng: Trong quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã xử lý xong, nên không xem xét xử lý.

Đối với số tiền mà các bị cáo có được từ việc phạm tội, nên buộc bị cáo L nộp lại số tiền 420.000 đồng (trong đó: 100.000 đồng bị cáo L bán máy quạt điện cho ông Nguyễn Hoàng M; 150.000 đồng bị cáo L bán nồi cơm điện của bị hại T3 cho người tên T8 không biết địa chỉ và số tiền 170.000 đồng do bị cáo L và bị cáo T1 bán khung sườn xe và cục máy xe mô tô của bị hại Tiếng cho chị Huỳnh Thị T5) và buộc bị cáo Tâm giao N2 số tiền 240.000 đồng (trong đó 190.000 đồng bị cáo T1 và bị cáo L bán khung sườn xe và cục máy xe mô tô của bị hại Tiếng cho chị Huỳnh Thị T5 và 50.000 đồng bị cáo T1 bán các phụ tùng xe mô tô còn lại cho người đàn ông lạ không biết tên và địa chỉ) để tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

[7] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30- 12- 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Phan Thiện Ngọc L, Nguyễn Văn T1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[8] Xét thấy phát biểu luận tội và đề nghị xử lý vụ án của vị đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 173, khoản 1 Điều 17, Điều 38, Điều 58, điểm g khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Phan Thiện Ngọc L đồng phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Phan Thiện Ngọc L 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 26-11-2024.

Căn cứ khoản 1 Điều 173, khoản 1 Điều 17, Điều 38, Điều 58, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T1 đồng phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T1 01 (một) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án phạt tù.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Buộc bị cáo Phan Thiện Ngọc L nộp lại số tiền 420.000 đồng và buộc bị cáo Nguyễn Văn T1 nộp lại số tiền 240.000 đồng để tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30- 12- 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Phan Thiện Ngọc L, Nguyễn Văn T1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 10-01-2025). Các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Tân Hồng;
- Cơ quan CSĐT CA huyện Tân Hồng;
- Cơ quan THAHS CA huyện Tân Hồng;
- CC THADS huyện Tân Hồng;
- UBND xã T;
- UBND phường A, thành phố H;
- Bị cáo; Bị hại; Người liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Tựu